

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5035 /BKHĐT-TH  
V/v xây dựng kế hoạch đầu tư công  
năm 2023

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.



Căn cứ Điều 56 Luật Đầu tư công, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan đơn vị (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương và địa phương) tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2022**

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công 7 tháng đầu năm 2022, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo các nội dung sau:

1. Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 (nếu có) theo từng nguồn vốn của từng dự án.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công 7 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2022 theo từng nguồn vốn: vốn NSNN, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật. Trong đó báo cáo chi tiết: (i) Tình hình thực hiện thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và thu hồi vốn ứng trước; (ii) Tình hình thực hiện các dự án chuyển tiếp phải bố trí đủ vốn để hoàn thành trong năm 2022 (dự án nhóm C; dự án quá thời gian thực hiện; dự án hoàn thành năm 2022); dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt; dự án quan trọng quốc gia, dự án đường bộ cao tốc, trọng điểm, dự án đường ven biển, dự án kết nối có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Đối với nhiệm vụ cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách, tình hình cho vay theo quy định.

- Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại đầu tư theo quy định của pháp luật: đề nghị báo cáo rõ nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3. Tình hình thực hiện và giải ngân 7 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 9 tháng và ước thực hiện cả năm 2022 các dự án đã được kéo dài kế hoạch vốn năm 2021 sang năm 2022 (nếu có).

4. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo chỉ đạo tại các Nghị quyết số: 01/NQ-CP ngày 01/01/2022, số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022, số 63/NQ-CP ngày 03/5/2022; các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ; các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 572/VPCP-KTTH ngày 21/01/2022, 1684/VPCP-KTTH ngày 17/3/2022, các Công điện số 252/CĐ-TTg ngày 16/3/2022, số 307/CĐ-TTg ngày 08/4/2022 và chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

5. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển.

6. Đánh giá chính xác, nêu bật các kết quả đạt được trong thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022. Nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022; phân tích rõ nguyên nhân giải ngân không đạt tiến độ theo yêu cầu của từng dự án và bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện kế hoạch năm 2022.

7. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2022.

## **B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

### **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU LẬP KẾ HOẠCH**

Năm 2023 là năm giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025 và



các mục tiêu đầu tư công đến năm 2025. Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2023 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Lập kế hoạch đầu tư công năm 2023 phải thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023.

2. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022; mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công 05 năm giai đoạn 2021-2025 của quốc gia của từng ngành, lĩnh vực và của từng địa phương; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Chỉ thị số 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; mục tiêu chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương **xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên và khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải.** Trong đó:

- Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 phải thực hiện đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

- Ưu tiên bố trí vốn cho dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án phát triển hạ tầng trọng điểm, các dự án cao tốc, các dự án liên vùng, đường ven biển có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước và bảo đảm phát triển hài hòa giữa các địa phương, từng vùng lãnh thổ. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2023.

- Phần đầu giảm thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

## II. NỘI DUNG LẬP KẾ HOẠCH

### 1. Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023

Căn cứ mục tiêu, chiến lược của từng ngành, từng địa phương; tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 7 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2022, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, khả năng cân đối nguồn



vốn trong kế hoạch năm 2023, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo các nội dung sau:

- a) Định hướng đầu tư công trong năm 2023
- b) Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo từng nguồn vốn.
- c) Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác cho đầu tư phát triển ngoài nguồn vốn đầu tư công.
- d) Các thuận lợi và khó khăn, vướng mắc trong việc cân đối và huy động các nguồn vốn đầu tư trong năm 2023 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.
- đ) Các đề xuất, kiến nghị và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 của bộ, cơ quan trung ương và địa phương và dự kiến các kết quả đạt được.

## **2. Lập kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023**

### **2.1 Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023**

#### **a) Nguyên tắc chung**

- Việc bố trí vốn NSNN năm 2023 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 bao gồm: (i) kế hoạch của các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao và (ii) kế hoạch vốn của nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc xây dựng kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2023 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội

phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm có thể phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2022, khắc phục triệt để tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

b) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

- Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Cụ thể việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

- (1) Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có);
- (2) Bố trí đủ vốn để thu hồi vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- (3) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022;
- (4) Bố trí đủ vốn cho dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2023 theo thời gian bố trí vốn;
- (5) Bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư, nghĩa vụ thanh toán của ngân sách trung ương.
- (6) Bố trí vốn cho các nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;
- (7) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt;
- (8) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đã có đủ thủ tục đầu tư, trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư tại thời điểm lập kế hoạch thì trong báo cáo lập kế hoạch, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư của các dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2023 (trước ngày 31/12/2022).



- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2022 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021 và dự kiến giải ngân năm 2022 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải **phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2023**.

- Riêng đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn thi hành, trong đó làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài được phân bổ cho chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp và vốn đối ứng của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp (cả cấp phát và cho vay lại) phải làm rõ mức vốn cấp phát và cho vay lại.

Việc bố trí vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; theo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2023 không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023;

(2) Bố trí đủ vốn cho các dự án do Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC) và Tổng công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam (VIDIFI) làm chủ đầu tư được chuyển vốn vay về cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ thành cấp phát ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 19/6/2022 của Quốc hội.

(3) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt

(4) Bố trí theo tiến độ được duyệt và khả năng giải ngân cho dự án mới đã ký Hiệp định.

Việc bố trí kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật Đất đai, năng lực của chủ đầu tư chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án.

c) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội



Căn cứ danh mục và mức vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (trường hợp nhiệm vụ, dự án chưa được Thủ tướng Chính phủ giao thì phải thuộc danh mục và mức vốn đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo tại văn bản số 450/TTg-KTTH ngày 20/5/2022 và các văn bản thông báo vốn của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)), các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề xuất bố trí đủ toàn bộ vốn cho các nhiệm vụ, dự án trong năm 2023, bảo đảm giải ngân vốn của Chương trình trong 2 năm 2022 và 2023 theo đúng quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

## **2.2 Dự kiến danh mục dự án và bố trí kế hoạch đầu tư vốn nguồn NSNN năm 2023 cho từng dự án**

a) Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương: Căn cứ mục tiêu, định hướng, nguyên tắc và khả năng cân đối vốn đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương dự kiến danh mục dự án, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và mức vốn cho từng dự án, nhiệm vụ theo đúng các nguyên tắc quy định tại tiết 2.1, điểm 2, phần II, mục A nêu trên.

b) Đối với kế hoạch cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Căn cứ tình thực hiện năm 2022, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền quyết định, quy định của cấp có thẩm quyền về chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác, dự kiến những thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ, tăng trưởng tín dụng, dư nợ cho vay, huy động vốn, lãi suất huy động, cho vay,.. để xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023.

c) Đối với các dự án sử dụng vốn cân đối ngân sách địa phương:

- Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo rà soát và dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2023 phù hợp với các



chỉ đạo về xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương của cấp có thẩm quyền, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết, đề nghị địa phương báo cáo dự kiến thu, chi từ nguồn xổ số kiến thiết, trong đó ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, y tế công lập, xây dựng nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

- Đối với nguồn thu sử dụng đất: đề nghị xây dựng dự kiến thu, chi từ nguồn này trong năm 2023 sát khả năng thu thực tế của địa phương.

- Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh: theo quy định của Luật NSNN năm 2015, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Đề nghị các địa phương căn cứ tình hình thực tế để xây dựng nhu cầu nguồn vốn này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước cho phù hợp, tránh tình trạng sau khi Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch thì nhiều địa phương không phân bổ hết số vốn được giao như một số năm gần đây.

### **3. Lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023**

- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; dự kiến lộ trình thực hiện các nhiệm vụ, dự án và nguồn lực đối với từng chương trình trong năm 2023 phù hợp với Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia; chi tiết kinh phí đầu tư, thường xuyên làm cơ sở để bố trí kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023.

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ hướng dẫn của bộ, cơ quan trung ương là chủ quản chương trình mục tiêu quốc gia, đề xuất nhu cầu vốn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện từng chương trình theo cơ cấu nguồn (chi đầu tư, chi thường xuyên) và chi tiết theo từng dự án thành phần thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia. Việc lập kế hoạch các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số



27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; dự kiến nguồn lực thực hiện phải phù hợp với khả năng cân đối vốn NSNN năm 2023.

#### **4. Lập kế hoạch vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật**

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ vào khả năng từng nguồn thu cụ thể, xây dựng kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật theo các nội dung dưới đây:

a) Dự kiến kế hoạch từng nguồn thu cụ thể của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật, căn cứ pháp lý để lại các khoản thu này.

b) Trên cơ sở dự kiến kế hoạch các khoản thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương dự kiến số vốn để lại cho đầu tư và dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các mục tiêu, nhiệm vụ quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có) đối với từng nguồn thu cụ thể.

c) Dự kiến phương án phân bổ cụ thể đối với từng nguồn vốn theo các nguyên tắc quy định tại Mục 1 trên đây và phù hợp với khả năng thu năm 2023.

### **III. TIẾN ĐỘ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023**

Căn cứ các quy định tại Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023 và các nội dung hướng dẫn tại văn bản này, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo tiến độ sau:

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo các hướng dẫn nêu trên gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bằng văn bản và trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công (đối với các nhiệm vụ, dự án có tính chất mật, đề nghị báo cáo và quản lý theo chế độ “Mật”) trước ngày 31 tháng 7 năm 2022.



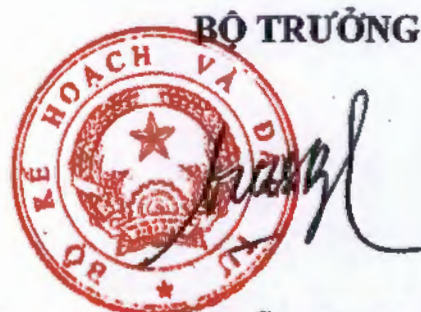
2. Trước ngày 15 tháng 8 năm 2022, trên cơ sở dự kiến khả năng thu, chi NSNN và chi đầu tư phát triển vốn NSNN kế hoạch năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 dự kiến phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

*(Chi tiết mẫu biểu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 được đăng tải trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công)*

Trên đây là nội dung hướng dẫn đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2022 và xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2023. Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn này, hướng dẫn của Bộ Tài chính về xây dựng dự toán NSNN năm 2023 và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ nêu trên và gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính đúng thời gian quy định để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị trong Bộ (danh sách kèm theo);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc.TW;
- Lưu VT, Vụ TH. **630**



**Nguyễn Chí Dũng**





Biểu mẫu số I.a

Bộ, cơ quan trung ương.....

**ƯỚC TÍNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ  
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**  
(Kèm theo văn bản số 9035 /BKHĐT-TH ngày 11-tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>							
1	Vốn NSNN (vốn ngân sách trung ương)							
-	Vốn trong nước							
	<i>Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>							
-	Vốn nước ngoài							
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật							





Biểu mẫu số I.b

Tỉnh, thành phố .....

**ƯỚC TÍNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ  
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo văn bản số 5035 /BKHĐT-TH ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG SỐ</b>							
1	<b>Vốn NSNN</b>							
	<i>Trong đó:</i>							
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương							
	<i>Trong đó:</i>							
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							
-	Xổ số kiến thiết							
-	Bộ chi ngân sách địa phương							
	<i>Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương</i>							
b)	Vốn ngân sách trung ương							
-	Vốn trong nước							
	<i>Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>							
-	Vốn nước ngoài							



STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật							





Đều mẫu 11-a

Đã, cơ quan trung ương/Tỉnh, thành phố .....

**PHƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC), NĂM 2022 VÀ NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo văn bản số 05/SKTĐT-TW ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Điểm XD	Hạng ưu đãi	Thời gian KC-HT	Quy mô		Năm 2022				Đã bỏ trị vốn đầu tư KH năm 2022				KH đầu tư trong hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Năm kế hoạch 2023				Chỉ tiêu				
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tháng 12 năm 2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Giai đoạn 2021-2025				Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022				Tổng số (tổng số các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW								
							Tổng số (tổng số các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tổng số các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tổng số các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tổng số các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:										
																Thu hút các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chiếm tỷ lệ tự		Thu hút các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Chiếm tỷ lệ tự							
1	<b>TỔNG SỐ</b>	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
A	<b>NGÂN SÁCH LĨNH VỰC...</b>																													
I	<b>Danh mục dự án quan trọng quốc gia, các dự án cao cấp, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa cao, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội</b>																													
(1)	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>																													
1	Dự án ...																													
(2)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>																													
1	Dự án ...																													
(3)	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</b>																													
1	Dự án ...																													
(4)	<b>Các dự án khởi công mới năm 2023</b>																													
1	Dự án ...																													
II	<b>Danh mục dự án khác</b>																													
(1)	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>																													
1	Dự án ...																													
(2)	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>																													
1	Dự án ...																													



TT	Danh mục dự án	Năm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Năm đầu kế hoạch 2023			Chỉ số					
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Giai đoạn 2021-2025			Trung đó: đã giải kế hoạch vào năm 2021, 2022			Tổng số (tổng số của người vốn)	Trung đó: NSTW						
							Tổng số (tổng số của người vốn)	Trung đó: NSTW	Tổng số (tổng số của người vốn)	Trung đó: NSTW	Tổng số (tổng số của người vốn)	Trung đó: NSTW	Tổng số (tổng số của người vốn)	Trung đó: NSTW	Tổng số	Trung đó:			Tổng số	Trung đó:										
																Thư hỏi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán tự XDCE	Cho vay đầu tư		Thư hỏi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán tự XDCE	Cho vay đầu tư								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoặc thành tựu năm 2023																													
1	Dự án ...																													
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023																													
1	Dự án ...																													
B	NGÂN LĨNH VỰC...																													
	PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN																													



Bộ, cơ quan trung ương/Tỉnh, thành phố .....

Biểu mẫu II.b

TỈNH LẬP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Xem theo văn bản số 035 /BKHD-TĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Nhu cầu kế hoạch 2023 cho nhiệm vụ, dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Tổng số		Trong đó: 01 giao kế hoạch năm 2022		Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số				Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
<b>TỔNG SỐ</b>																							
<b>A NGÀNH/ LĨNH VỰC...</b>																							
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023																						
1	Dự án ...																						
...	.....																						
<b>B NGÀNH/ LĨNH VỰC...</b>																							



TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022								Đã bỏ trí vốn đến hết KH năm 2022		Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch 2023 cho nhiệm vụ, dự án từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư		
																							Tổng số	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
...	<b>PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN</b>																							



**Biểu mẫu III**  
**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022**  
**VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023**  
*(Kèm theo văn bản số 50/S/ĐKHT-TN ngày 2 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Mã tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày bắt đầu hiệp định	Số quyết định	Năm 2022								Kế đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2023								Nhu cầu KH vốn NSTW năm 2023			Ghi chú													
								ATMET				Kế hoạch vốn NSTW		Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Giai đoạn 2021-2022			Trong đó: Dự giao ước năm 2021, 2022			Trong đó:																
								Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:																
								Vốn đối ứng		Quy đổi m tiền Việt		Tổng số		Tổng số		Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW																
								Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Đưa vào vốn đối NSTW	Vay lãi	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Trong đó:	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Trong đó:	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số		Trong đó:	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)											
													Thu hút các khoản vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư		Thu hút các khoản vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư		Thu hút các khoản vốn ứng trước	Chuyển bị đầu tư																				
1	3	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	
	<b>TỔNG SỐ</b>																																							
A	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>																																							
I	Ngành, Lĩnh vực.....																																							
J	Các dự án hoàn thành bản giải, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																																							
(I)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
J	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																																							
(I)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
J	Đanh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																																							
(I)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
J	Đanh mục dự án ANH công mới năm 2023																																							
(I)	Dự án ...																																							
...	.....																																							
II	Ngành, Lĩnh vực.....																																							
...	Phần loại như trên																																							
B	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>																																							
...	Phần loại như phần A																																							





Bộ, cơ quan trung ương/Thị, thành phố .....

**Biểu mẫu IV**

**TRÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023 VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP ĐANH ĐỀ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

(Kèm theo văn bản số 5035/BKHĐT-TT ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2023				Chi chú				
							TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp
							KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2023																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	<b>TỔNG SỐ</b>																										
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU...</b> <sup>(1)</sup>																										
	<b>I</b> Ngành, Lĩnh vực.....																										
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																										
	1 Dự án ...																										
	...																										
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023																										
	1 Dự án ...																										
	...																										
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																										
	1 Dự án ...																										
	...																										
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023																										
	1 Dự án ...																										
	...																										
	<b>II</b> Ngành, Lĩnh vực.....																										
	Phân loại như trên																										
	...																										
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU...</b> <sup>(2)</sup>																										
	<b>PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN</b>																										

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đề bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2023				Ghi chú					
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp		Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp			Trong đó:										
																	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Chuyển bị đầu tư	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuyển bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28

Ghi chú: (1) Báo cáo từng loại nguồn thu hợp pháp đánh số đầu tư theo quy định của pháp luật